TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2026/DS-ST
Ngày: 16-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Thống

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 107/2026/QĐ-TA ngày 30/3/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp C, xã V, tỉnh An Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mộng N, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp C, xã V, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: ấp C, xã V, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày*:**

Vào ngày 27/12/2023 (âm lịch) bà có cho bà N vay số tiền là 50.000.000 đồng, có làm biên nhận có vợ chồng bà N ký tên, thời hạn vay thoả thuận là trả

lại gốc cho bà 02 lần cụ thể vào ngày 05/5/2024 (âm lịch) số tiền là 25.000.000 đồng, đến ngày 05/12/2025 (âm lịch) trả số tiền 25.000.000 đồng. Về lãi suất thoả thuận là 1.000.000 đồng gốc tính lãi suất là 30.000 đồng/tháng (tức 50.000.000 đồng nợ gốc tính lãi là 1.500.000 đồng/tháng) nhưng trong Biên nhận lại không có ghi thoả thuận tiền lãi suất. Từ ngày vay đến nay bà N chưa trả số tiền nợ gốc, lãi cho bà mặc dù bà đã nhiều lần liên hệ nhắc nợ.

Tại đơn khởi kiện bà D yêu cầu bà N phải trả nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất từ ngày vay 27/12/2023 (âm lịch) đến ngày 27/8/2025 (âm lịch) là 21 tháng với số tiền là 15.750.000 đồng; tổng cộng gốc, lãi là 65.750.000 đồng, ngoài ra yêu cầu tiền lãi tới ngày xét xử.

Tại phiên tòa, bà D xác định yêu cầu bà N trả số tiền vay nợ gốc là 50.000.000 đồng, đồng thời cho rằng do trong Biên nhận vay không có thoả thuận lãi suất vay và thời hạn cuối cùng trả nợ cho bà là ngày 05/12/2025 (âm lịch) mà bà N cũng không thực hiện đúng thoả thuận nên bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà N phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/12/2024 âm lịch (nhằm ngày 05/01/2025 dương lịch) đến ngày xét xử 16/4/2026 nhưng bà D chỉ yêu cầu với số tiền lãi là 5.810.000 đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 55.810.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Mộng N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, không có ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Kết quả thu thập chứng cứ: Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung gồm: 01 Biên nhận vay của bà N, ông T ký nhận nợ với tổng số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, bị đơn không cung cấp chứng cứ.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu*:**

***Về thủ tục tố tụng*:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án*:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà N trả cho bà D số tiền vay nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ nguyên đơn yêu cầu số tiền 5.180.000 đồng từ ngày 05/01/2025 đến ngày xét xử là không vượt quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N, ông T.

Về phần lãi tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà D yêu cầu số tiền lãi suất là 15.750.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên toà bà D thay đổi yêu cầu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với số tiền là 5.180.000 đồng. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay là 50.000.000 đồng gốc và yêu cầu tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ 5.180.000 đồng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản " theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã V, tỉnh An Giang nên căn cứ Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang giải quyết.

[4] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà D yêu cầu bà N trả số tiền vay nợ gốc là 50.000.000 đồng, Toà án đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn bà N không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Quá trình khởi kiện bà D cung cấp chứng cứ là 01 Biên nhận vay nợ của bà N, ông T (Biên nhận gốc) thể hiện sự xác nhận của bị đơn vợ chồng bà N vay tiền bà D số tiền gốc 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền thì bà N không có trả nợ gốc, nợ lãi cho bà D.

Đối với số tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ nguyên đơn bà D yêu cầu từ ngày 06/12/2024 âm lịch (nhằm ngày 05/01/2025 dương lịch) đến ngày xét xử 16/4/2026 số tiền lãi là 5.810.000 đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 55.810.000 đồng. Về lãi suất nêu trên nguyên đơn bà D yêu cầu nêu trên là phù hợp với quy định

của pháp luật theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 nghĩ nên chấp nhận.

Như vậy, việc bà N không thực hiện trả nợ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà D khởi kiện yêu cầu trả nợ với tổng số tiền gốc, lãi là 5.810.000 đồng có căn cứ. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 463 (*quy định về hợp đồng vay tài sản*), Điều 466 (*quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay*), Điều 468 *(quy định lãi suất);* Điều 357 *(quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền)* của Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà N trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 5.810.000 đồng; tổng cộng gốc, lãi là 55.810.000 đồng.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà N không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

Về ý kiến phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 tại phiên toà là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiền án phí là: 55.810.000 đồng x 5% = 2.790.500 đồng (làm tròn 2.791.000 đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Mộng N.

Buộc bà Nguyễn Mộng N trả cho bà số tiền vay nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 5.180.000đ (Năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng); tổng cộng gốc và lãi là 55.180.000đ (Năm mươi lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ khi ngày bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu Nguyễn Mộng N không trả đủ số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Nguyễn Mộng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.791.000đ (Hai triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.643.000đ (Một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009563 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn bà D có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 6- An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 6- An Giang;
- UBND xã Vĩnh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng